

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 3 – 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Đức Cẩm Tú.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc H.**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Cam Văn T.**

Địa chỉ: Ấp T, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Ngọc H trình bày:

Vào khoảng năm 2003, bà Lê Ngọc H với ông Cam Văn T quen biết, thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện

X, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 10 năm 2005. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng cuối năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hôn nhân không còn hạnh phúc nữa; bà H chuyển đến ấp Đ, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng sinh sống; ông, bà đều có cuộc sống riêng tư, tình cảm không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Bà H với ông T có 02 con chung tên: Cam Nhật Đ, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2005 và Cam Duy K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008. Hiện nay, cháu Cam Nhật Đ đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Cam Duy K1, hiện nay sống chung với ông Cam Văn T. Bà H đồng ý giao cháu Cam Duy K1 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 đủ tuổi trưởng thành; bà H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H với ông T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Ông Cam Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng ông T đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

3. Ý kiến của con chung:

Toà án yêu cầu ông Cam Văn T dẫn cháu Cam Duy K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008 đến Tòa án để Tòa án ghi ý kiến nguyện vọng của cháu K1 khi Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà H, nhưng ông T không thực hiện và Tòa án cũng không ghi được nguyện vọng của cháu K1.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Cam Văn T chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và con chung; đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hoà, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Cam Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của ông T không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 223/TLKH-BS ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng thì bà Lê Ngọc H với ông Cam Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng số 86 vào ngày 13 tháng 10 năm 2005, nay bà H yêu cầu ly hôn với ông T, Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; ông, bà không còn sống chung với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà H với ông T có hai con chung tên Cam Nhật Đ, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2005 và Cam Duy K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008. Bà H đồng ý giao cháu Cam Duy K cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H; cháu K đang sống chung với ông T, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K sau này, đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống cho cháu, nên cần giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Về quyền, nghĩa vụ của bà H đối với con chung: Bà H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông T; bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và ông T cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H trình bày không có nợ chung; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Ngọc H được ly hôn với bị đơn ông Cam Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Cam Duy K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2008 cho ông Cam Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K tròn 18 (mười tám) tuổi.

2.2. Bà Lê Ngọc H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Cam Duy K được sống chung với ông Cam Văn T.

2.3. Bà Lê Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; ông Cam Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Lê Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008304 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn ông Cam Văn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Hiệp - Nguyễn Hồng Phụng

Cao Thanh Nhanh

